

CÔNG TY CỔ PHẦN NAFABI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NAFABI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAFABI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAFABI JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110011477

3. Ngày thành lập: 30/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 117 Hoàng Cầu, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933833833

Fax:

Email: info@nafabi.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy; Bán lẻ mô tô, xe máy; Đại lý mô tô, xe máy	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634

15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hoạt động báo chí)	8230
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; tư vấn bất động sản; môi giới bất động sản; quản lý bất động sản; (trừ đấu giá bất động sản)	6820
30.	Quảng cáo (trừ loại nhà nước cấm)	7310
31.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
32.	Bán buôn tổng hợp	4690
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
34.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
35.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ lương thực, nông sản	4721
36.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
37.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
38.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
39.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
40.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh các loại vàng, tiền, kim khí, và các hàng hóa nhà nước cấm)	4774

41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
42.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
43.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
44.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
45.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
46.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
47.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
48.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
50.	Cơ sở lưu trú khác	5590
51.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
52.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
53.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
54.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
55.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy lọc nước dân dụng, máy lọc nước công nghiệp	4752
56.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
57.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
58.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
59.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
60.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
61.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
62.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
63.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

64.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
65.	Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ THỊ NGOÃN	Tổ 18, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	034179003577	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		

2	PHẠM THỊ NGUYỆT	Số 117 Hoàng Cầu, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	50,000	037192000391
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	50,000	
3	NGUYỄN VĂN CUỒNG	Nhà số 3, lô C khu tái định cư 218 Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	038084011974
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ NGUYỆT

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/02/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037192000391

Ngày cấp: 14/04/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đoan Bình, Xã Gia Phú, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 117 Hoàng Cầu, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội